TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2017/DS-ST
Ngày 25/5/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG-TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lai
2. Bà Thái Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát Viên

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2016/TLST-DS, ngày 18/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐST-DS, ngày 07/4/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐ-HPT ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Trụ sở chính: số 18 Trần Hữu Dực, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Người đại diện: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận do ông Trần Văn H – Phó Giám đốc đại diện theo ủy quyền (tại Giấy ủy quyền số 028/NHNo – PRC-UQ ngày 28.12.2016); có mặt

2. Bị đơn: vợ chồng bà **Dương Thị Thúy N**, sinh năm 1982, ông **Bùi Hữu T**, sinh năm 1969; Địa chỉ: xóm 1, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Bùi Đại H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: xóm 1, xã hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 06/10/2016 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Văn H trình bày: Vào ngày 18/7/2014 vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N có ký hợp đồng vay vốn tại Chi nhánh Thị trấn T theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 4804LAV201402114 với số tiền là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 12/%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, phương thức thanh toán theo phân kỳ. Tài sản đảm bảo tiền vay gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL308547, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01731 do Uỷ ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 12/11/2012 cho bà Dương Thị Thúy N, diện tích 377,0m² đất, tài sản gắn liền trên đất gồm: nhà ở cấp 4 diện tích 83,9m²; đất ở diện tích 100m² và đất trồng cây hàng năm khác diện tích 277m², tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tài sản này thế chấp tại Hợp đồng thế chấp (HĐTC) số 015/14/HĐTC ngày 18/7/2014.

- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử đất số 00446 QSDĐ/1 do Uỷ ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp cho bà Trần Thị B ngày 14/5/2004 hiện ông Bùi Đại H nhận thừa kế và đứng chủ quyền, có diện tích 150m² đất, tọa lạc tại xóm 1, thôn Lâm Lộc 1, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tài sản trên thế chấp tại HĐTC số 016/14/HĐTC ngày 18/7/2014.

Đến ngày 14/4/2015 vợ chồng ông T, bà N tiếp tục ký hợp vay vốn tại HĐTD số 4804LAV201500707 với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%/năm, thời hạn vay là 36 tháng, phương thức thanh toán theo phân kỳ. Tài sản đảm bảo tiền vay cho khoản nợ này là Chiếc xe ô tô tại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 86C-053.16 do ông T đứng chủ quyền theo HĐTC số 017/15/HĐTC ngày 14/4/2015.

Sau khi thực hiện hợp đồng vay vốn, vợ chồng ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả nợ vay được quy định trong HĐTD. Cụ thể: ông T, bà N đã vi phạm tại phân kỳ, cụ thể: Đối với HĐTD số 4804LAV201402114 ký ngày 18/7/2014 phân kỳ thứ nhất theo hợp đồng thì ông T phải trả vào ngày 18/7/2015 với số tiền 50.000.000đ và kỳ tiếp theo là 80.000.000đ nhưng đến ngày 24/7/2015 chỉ trả 20.000.000đ và 27/7/2015 trả 30.000.000đ và HĐTD số 4804LAV201500707 ký ngày 14/4/2015 phân kỳ thứ nhất theo hợp đồng ngày 14/4/2016 thì ông T phải trả 50.000.000đ nhưng đến ngày 25/4/2016 ông T mới trả 50.000.000đ, sau đó vợ chồng ông T không thực hiện việc trả nợ nữa mà để nợ quá hạn, Ngân hàng đã mời trực tiếp ông T và bà N để xử lý món nợ còn lại nhưng ông T và bà N có hứa trả nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nên đến ngày 04/10/2016 Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng 550.000.000đ tiền gốc và 57.265.000đ tiền lãi. Đến ngày 18/4/2017 ông T trả thêm 85.000.000đ tại HĐTD số 4804LAV201402114, như vậy ông T, bà N chỉ thanh toán cho N hàng với số tiền gốc là 135.000.000đ tại HĐTD số 4804LAV201402114 và 50.000.000đ tại HĐTD số 4804LAV201500707. Hiện nay số dư còn lại của 02 hợp đồng tín dụng trên và tiền lãi tính đến ngày hôm nay là: tiền gốc 465.000.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 101.028.751đ (một trăm lẻ một triệu không trăm hai tám nghìn bảy trăm năm mươi mốt đồng).

Tại Tòa hôm nay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thị trấn T xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Hữu T và bà Dương Thị Thúy N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 465.000.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo HĐTD là 101.028.751đ (một trăm lẻ một triệu không trăm hai tám nghìn bảy trăm năm mươi mốt đồng). Đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét HĐTC tài sản số 015/14/HĐTC, số 016/14/HĐTC cùng ký ngày 18/7/2014 và HĐTC số 017/15/HĐTC ký ngày 14/4/2015 để đảm bảo cho việc trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng bà Dương Thị Thúy Ngân, ông Bùi Hữu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đại H đều không có mặt tại đại phương nên Tòa án không ghi được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005.

Tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam–Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận. Buộc vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận số tiền gốc 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 4804LAV201402114 là 82.443.334đ (tám mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng). Nếu vợ chồng ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận thì ông Bùi Đại H phải dùng tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đã thế chấp theo Hợp đồng số 016/14/HĐTC ký ngày 18/7/2010 để thực hiện 01 phần nghĩa vụ trả nợ cho N hàng theo quy định.

Buộc vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh Thị trấn T Bình Thuận số tiền gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 4804LAV201500707 là 18.585.417đ (mười tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm mười bảy đồng);

Tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thế chấp tài sản số 015/14/HĐTC, số 016/14/HĐTC cùng ký ngày 18/7/2014 và hợp đồng thế chấp số 017/15/HĐTC ký ngày 14/4/2015 để đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N là bị đơn và ông Bùi Đại H là có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có mặt tại địa phương nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà N và ông H.

Tại phiên tòa, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận yêu cầu vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N phải có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc và lãi cho Chi nhánh Ngân hàng Thị trấn T theo HĐTD mà hai bên đã ký kết. Đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân không vì mục đích lợi nhuận mà phục vụ kinh tế gia đình với Tổ chức tín dụng. Do đó đây là tranh

chấp về giao dịch dân sự và được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, đại diện phía nguyên đơn có xuất trình toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng vay vốn giữa Chi nhánh N hàng Thị trấn T với vợ chồng ông T, bà N cụ thể: 02 HĐTD số 4804LAV201402114 ngày 18/7/2014 và HĐTD số 4804LAV201500707 ngày 14/4/2015; Các HĐTC số 015/14/HĐTC, 016/14/HĐTC cùng ký ngày 18/7/2014 và HĐTC số 017/15/HĐTC ký ngày 14/4/2015 và các loại chứng từ khác có liên quan.

Xét Hợp đồng tín dụng số 4804LAV201402114 ký ngày 18/7/2014 với số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng. Tài sản đảm bảo tiền vay thông qua 02 Hợp đồng thế chấp số 015/14/HĐTC ngày 18/7/2014 và Hợp đồng thế chấp số 016/14/HĐTC ký ngày 18/7/2014 đây là quan hệ giao dịch ký kết được thực hiện bằng hình thức hợp đồng tín dụng mục đích nhằm tạo điều kiện có lợi cho đôi bên, một bên thì thu lợi nhuận, một bên có vốn làm ăn để phục vụ cho nhu cầu kinh tế gia đình và hợp đồng ký kết được pháp luật công nhận không trái với quy chế của hệ thống N hàng Nhà nước Việt Nam, việc ký kết là sự tự nguyện của hai bên không bên nào ràng buộc bên nào. Tuy nhiên đến phân kỳ trả gốc bên vay đã vi phạm hợp đồng, tức không trả gốc và lãi đúng phân kỳ nên N hàng khởi kiện là có cơ sở. Đồng thời bên vay cũng có dùng tải sản chính của vợ chồng ông bà và tài sản của con ông bà là ông Bùi Đại H để đảm bảo cho việc vay vốn.

Xét Hợp đồng tín dụng số 4804LAV201500707 ngày 14/4/2015 với số tiến vay 200.000.000đồng, thời hạn vay là 36 tháng. Tài sản đảm bảo tiền vay thông qua Hợp đồng thế chấp số 017/15/HĐTC ký ngày 14/4/2015 cũng như đã phân tích ở trên đây là quan hệ giao dịch ký kết được thực hiện bằng hình thức hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên đến phân kỳ bên vay đã vi phạm hợp đồng, tức không trả gốc và lãi đúng phân kỳ nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ sở, đúng pháp luật.

Xét 02 Hợp đồng thế chấp số 015/14/HĐTC ngày 18/7/2014 và Hợp đồng thế chấp số 017/15/HĐTC ký ngày 14/4/2015 về hình thức và nội dung đã đảm bảo, vì việc ký hợp đồng có đầy đủ đối tượng, đúng sở hữu chủ, không vi phạm một trong những điều cấm mà Bộ luật dân sự quy định tại khoản 1 Điều 117 nên đảm bảo về hiệu lực không bị vô hiệu.

Riêng Hợp đồng thế chấp số 016/14/HĐTC ký ngày 18/7/2014 bởi ông Bùi Đại H là bên thế chấp dùng tài sản là quyền sử dụng để đảm bảo nợ vay cho vợ chồng ông T tại Chi nhánh Ngận hàng, hợp đồng này đã được Công chứng và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ký chứng thực ngày 22/7/2014 mặc dù không tuân thủ đúng hợp đồng mà Bộ luật Dân sự quy định nhưng vẫn đảm bảo về mặt nội dung, vì hình thức hợp đồng không làm thay đổi bản chất sự việc nên vẫn có hiệu lực.

Do sau khi vay, bên vay ông T, bà N không thực hiện đúng cam kết được ghi trong hợp đồng và đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng theo phân kỳ, mặc dù vẫn còn thời hạn nhưng bên vay không thực hiện đúng thì coi như đã vi phạm hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng làm thủ tục khởi kiện và yêu cầu vợ chồng ông T, bà N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng trên và đồng thời yêu cầu tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thế chấp tài sản số

015/14/HĐTC, số 016/14/HĐTC cùng ký ngày 18/7/2014 và Hợp đồng thế chấp số 017/15/HĐTC ký ngày 14/4/2015 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Xét thấy, yêu cầu của Chi nhánh Ngân hàng Thị trấn T đối với vợ chồng ông T, bà N là có căn cứ, bởi vì mặc dù không có biên bản của Tòa án ghi nhận gia đình ông T thừa nhận số nợ mà Ngân hàng yêu cầu nhưng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà N hàng xuất trình đã thể hiện đầy đủ việc ký kết các hợp đồng có xác nhận của đại diện N hàng và không bị lừa dối hay giả mạo gì.

Đối với số nợ dư còn lại và tiền lãi phát sinh mà Ngân hàng yêu cầu cụ thể: tiền gốc đối với Hợp đồng tín dụng số 4804LAV201402114 số dư nợ là 315.000.000đ (ba trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi còn nợ tính đến ngày hôm nay là 82.443.334đ (tám mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng); đối với Hợp đồng tín dụng số 4804LAV201500707 số dư nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi còn nợ tính đến ngày hôm nay là 18.585.417đ (mười tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm mười bảy đồng) việc tính lãi Ngân hàng đã căn cứ đúng thời gian, đúng mức lãi suất đã được ký kết trong hợp đồng bao gồm tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là không trái với quy định của Tổ chức tín dụng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên đủ cơ sở khẳng định vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh Thị trấn T Bình Thuận số tiền gốc là 465.000.000đ và tiền lãi là 101.028.751đ và chấp nhận việc rút 01 phần yêu cầu của người khởi kiện đối với bị đơn. Buộc vợ chồng ông T, bà N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thị trấn T Bình Thuận số tiền gốc và lãi tương ứng với 02 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Về phần án phí: Yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận được chấp nhận nên vợ chồng ông T, bà N pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005; Thông tư liên tịch số: 01/1997/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam–Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận đối với vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", cụ thể:

Buộc vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận theo Hợp đồng tín dụng số 4804LAV201402114 tiền gốc **315.000.000đ** (ba trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là **82.443.334đ** (tám mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi bốn đồng). Nếu vợ chồng ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận thì ông Bùi Đại H phải dùng tài sản bảo đảm là

quyền sử dụng đất đã thế chấp theo Hợp đồng số 016/14/HĐTC ký ngày 18/7/2010 để thực hiện 01 phần nghĩa vụ trả nợ cho N hàng.

Buộc vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh Thị trấn T Bình Thuận theo hợp đồng tín dụng số 4804LAV201500707 tiền gốc là **150.000.000đ** (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là **18.585.417đ** (mười tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm mười bảy đồng);

Tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thế chấp tài sản số 015/14/HĐTC, số 016/14/HĐTC cùng ký ngày 18/7/2014 và hợp đồng thế chấp số 017/15/HĐTC ký ngày 14/4/2015 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí:

- Vợ chồng ông Bùi Hữu T, bà Dương Thị Thúy N phải nộp **26.641.150đ** (hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi mốt ngàn, một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thị trấn T, Bình Thuận số tiền **14.145.000đ** (mười bốn triệu, một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010596 ngày 18/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy Phong.

Kể từ ngày 26/5/2017 vợ chồng ông T, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của N hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của N hàng cho vay.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện**;**
- Lưu HS.

Lý Văn Lấy